

Chủ dự án và Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án khi đoàn kiểm tra yêu cầu.

Điều 10. Nghiệm thu bàn giao và chế độ báo cáo.

1. Chủ dự án và Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ về tiến độ thực hiện dự án 6 tháng một lần vào đầu tháng 7 và tháng 1 hàng năm cho các đơn vị được phân công tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

2. Khi dự án kết thúc, Chủ dự án và Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án phải tổ chức nghiệm thu, bàn giao theo đúng quy định cho từng loại dự án và gửi Báo cáo về Bộ qua các Cục, Vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

3. Các Vụ, Cục chức năng của Bộ phối hợp soạn thảo các mẫu báo cáo thống nhất cho từng loại dự án và hướng dẫn cho các đơn vị thực hiện.

Điều 11. Quản lý văn bản dự án.

Văn bản dự án được quản lý ở các Cục, Vụ chức năng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này và ở các đơn vị có liên quan theo yêu cầu của Bộ.

Điều 12. Quyền tác giả, đăng ký bản quyền.

Đối với các dự án là đề tài nghiên cứu khoa học, chỉ sau khi kết quả nghiên cứu được Hội đồng Khoa học công nghệ đánh giá nghiệm thu và Bộ phê duyệt mới được đăng ký quyền tác giả theo các quy định về bảo hộ quyền tác giả và sở hữu công nghiệp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ, các cơ quan quản lý và thực hiện dự án,

các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào cần bổ sung, sửa đổi, yêu cầu phản ánh kịp thời về Bộ để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

NGÔ THẾ DÂN

BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 80/2000/TT-BTC ngày
31/7/2000 hướng dẫn xử lý thuốc
lá sản xuất trong nước không
dán tem bị tịch thu.**

*Căn cứ Quyết định số 175/1999/QĐ-TTg ngày
25/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc dán
tem thuốc lá sản xuất trong nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 133/1999/TTLT-
BTC-BTM-BCN ngày 16/11/1999 của liên Bộ Tài
chính, Thương mại, Công nghiệp về việc dán tem
thuốc lá sản xuất trong nước;*

*Sau khi đã có ý kiến thống nhất của Bộ Công
nghiệp và Bộ Thương mại, Bộ Tài chính hướng
dẫn xử lý thuốc lá sản xuất trong nước không dán
tem bị tịch thu như sau:*

I. QUẢN LÝ THUỐC LÁ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC KHÔNG DÁN TEM BỊ TỊCH THU

Theo quy định tại tiết 1.1 điểm 1 Phần III Thông

tư liên tịch số 133/1999/TTLT-BTC-BTM-BCN ngày 16/11/1999 của liên Bộ Tài chính, Thương mại, Công nghiệp về việc dán tem thuốc lá sản xuất trong nước thì từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 thuốc lá sản xuất trong nước lưu thông trên thị trường không dán tem đều bị xử lý tịch thu.

Thuốc lá sản xuất trong nước không dán tem bị tịch thu là tài sản Nhà nước quản lý. Các lực lượng kiểm tra, kiểm soát thị trường phát hiện thuốc lá sản xuất trong nước không dán tem được ra quyết định tịch thu theo quy định tại Nghị định số 01/CP ngày 03/1/1995 của Chính phủ về xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Thuốc lá đã tịch thu được quản lý theo Quy chế Quản lý và xử lý tài sản khi có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 1766/1998/QĐ-BTC ngày 07/12/1998 và Quyết định số 29/2000/QĐ-BTC ngày 29/2/2000 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý và xử lý tài sản nói trên của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. XỬ LÝ THUỐC LÁ TỊCH THU

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp sản xuất thuốc lá không dán tem thì cơ quan kiểm soát ra quyết định phạt vi phạm hành chính và tịch thu hàng hóa. Doanh nghiệp sản xuất thuốc lá không dán tem bị tịch thu phải mua lại toàn bộ số thuốc lá không dán tem, giá mua thuốc lá không dán tem bằng giá thuốc lá cùng loại doanh nghiệp bán ra trên thị trường tại thời điểm phát hiện.

2. Đối với các trường hợp kiểm tra trên thị trường phát hiện thuốc lá không dán tem thì tổ chức và cá nhân kinh doanh thuốc lá không dán tem bị phạt vi phạm hành chính và tịch thu hàng hóa. Số thuốc lá đã tịch thu được xử lý như sau:

- Trường hợp xác định được nguồn gốc sản xuất thuốc lá không dán tem thì doanh nghiệp

sản xuất sẽ bị phạt vi phạm hành chính, bị tịch thu toàn bộ số tiền bán thuốc lá không dán tem và phải mua lại toàn bộ số thuốc lá không dán tem này, giá mua thuốc lá tịch thu phải bằng giá thuốc lá cùng loại doanh nghiệp bán ra cùng thời điểm.

- Trường hợp không xác định được nguồn gốc sản xuất số thuốc lá này sau khi tịch thu phải tổ chức tiêu hủy theo quy định tại điểm 6.2 Mục V theo Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM-BTC-BCA-BKHCMNT ngày 27/4/2000 của liên Bộ Thương mại, Tài chính, Công an, Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả.

3. Trong mọi trường hợp phát hiện được doanh nghiệp sản xuất tiêu thụ thuốc lá không dán tem hoặc qua kiểm tra trên thị trường phát hiện thuốc lá sản xuất trong nước không dán tem mà xác định được nguồn gốc sản xuất, doanh nghiệp sản xuất phải đến địa điểm Hội đồng xử lý thông báo để tiếp nhận. Đối với thuốc lá đã kém phẩm chất doanh nghiệp sản xuất cũng phải tiếp nhận để tự tiêu hủy hoặc tái chế.

4. Đối với những trường hợp vi phạm với số lượng thuốc lá không dán tem lớn hoặc tái phạm, doanh nghiệp sản xuất thuốc lá và các tổ chức, cá nhân tiêu thụ ngoài việc bị xử lý phạt vi phạm hành chính, tịch thu hàng hóa, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

III. QUẢN LÝ TIỀN PHẠT, TIỀN BÁN THUỐC LÁ TỊCH THU VÀ TRÍCH THUỞNG

Thực hiện theo quy định tại Mục VI Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM-BTC-BCA-BKHCMNT ngày 27/4/2000 của liên Bộ Thương mại, Tài chính, Công an, Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg

ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn, bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 81/2000/TT-BTC ngày 02/8/2000 về việc hướng dẫn xử lý thuế giá trị gia tăng đối với các nhà máy đường.

Căn cứ vào Quyết định số 65/2000/QĐ-TTg ngày 07/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với các doanh nghiệp sản xuất đường. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC XÉT GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Các doanh nghiệp sản xuất mía đường nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh dẫn đến bị lỗ thì được xét giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với sản phẩm đường và các loại phụ phẩm, phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất đường (mật rỉ, bã mía, bã bùn) gọi chung là phế liệu thu hồi.

2. Trường hợp doanh nghiệp vừa sản xuất đường vừa sản xuất một số sản phẩm phụ khác thì phải hạch toán riêng kết quả kinh doanh của

từng loại. Trường hợp doanh nghiệp sản xuất đường có sản xuất một số sản phẩm phụ khác từ phế liệu thu hồi (phân vi sinh, ván ép...) mà không hạch toán riêng được kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm hàng hóa thì mức giảm thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm đường và các phế liệu thu hồi tương ứng với số lỗ phát sinh trong năm của doanh nghiệp nhưng không vượt quá số thuế giá trị gia tăng phải nộp của các loại sản phẩm đó.

II. MỨC GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Năm 1999, giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp tương ứng với số lỗ nhưng tối đa không vượt quá số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm.

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp	=	Số thuế giá trị gia tăng đầu ra của sản phẩm đường và các phế liệu thu hồi bán ra	-	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của sản phẩm đường và các loại phế liệu thu hồi
-----------------------------------	---	---	---	--

2. Năm 2000, được tạm giảm 50% số thuế giá trị gia tăng phải nộp hàng tháng đối với sản phẩm đường và các phế liệu thu hồi bán ra. Khi quyết toán năm, nếu số thuế giá trị gia tăng phải nộp đã tạm giảm hàng tháng lớn hơn số thực lỗ phát sinh thì chỉ được giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp bằng với số lỗ, doanh nghiệp phải nộp số chênh lệch (số thuế giá trị gia tăng phải nộp đã tạm giảm - số lỗ thực tế) vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập xong báo cáo tài chính năm theo quy định của chế độ hiện hành.

Trường hợp nếu đã giảm 50% số thuế giá trị gia tăng phải nộp mà doanh nghiệp vẫn còn lỗ thì được giảm tiếp số thuế giá trị gia tăng phải nộp bằng với số thực lỗ, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm.